

Thời gian dự kiến: từ 02/11 – đến hết 27/11/2021

CHỦ ĐỀ 1: SỐ NGUYÊN VÀ TẬP HỢP CÁC SỐ NGUYÊN

a) Số nguyên

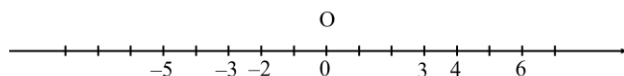
+ Tập hợp số nguyên dương gồm các số tự nhiên $1; 2; 3; 4; \dots$

+ Tập hợp số nguyên âm gồm các số $-1; -2; -3; \dots$ Số nguyên âm được nhận biết bằng dấu “-” ở trước số tự nhiên khác 0. Số 0 không là số nguyên dương cũng không là số nguyên âm.

+ Tập hợp $\mathbb{Z}$ gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương gọi là tập hợp các số nguyên.

$$\mathbb{Z} = \{\dots; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 4; \dots\}$$

b) Biểu diễn số nguyên trên trục số



+ Trên trục số nằm ngang, điểm biểu diễn số nguyên âm nằm bên trái điểm 0, điểm biểu diễn số nguyên dương nằm bên phải điểm 0.

Chiều từ trái sang phải là chiều dương, ngược lại là chiều âm.

Điểm biểu diễn số nguyên a gọi là điểm a .

Chú ý: Người ta cũng có thể vẽ trục số thẳng đứng với chiều từ dưới lên là chiều dương, chiều ngược lại là chiều âm.

c) So sánh hai số nguyên

+ Trên trục số nằm ngang, nếu điểm a nằm bên trái điểm b thì số nguyên a nhỏ hơn số nguyên b , kí hiệu $a < b$.

+ Mọi số nguyên âm đều nhỏ hơn 0, do đó nhỏ hơn mọi số nguyên dương.

Chú ý: Kí hiệu $a \leq b$ có nghĩa là a nhỏ hơn b hoặc a bằng b , $a \geq b$ có nghĩa là a lớn hơn b hoặc a bằng b .

d) Số đối của một số nguyên

Hai số nguyên trên trục số nằm ở hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 được gọi là hai số đối nhau.

Vd: 6 có số đối là -6, -6 có số đối là 6

3 có số đối là -3, -3 có số đối là 3.

LUYỆN TẬP

Biểu diễn số nguyên và tập hợp các số nguyên

Bài 1: Điền vào chỗ (...):

a) Nếu $+2\ 021$ biểu diễn năm 2 021 sau công nguyên thì -537 biểu diễn ...

b) Nếu $-7^{\circ}C$ biểu diễn 7° dưới $0^{\circ}C$ thì $+8^{\circ}C$ biểu diễn ...

c) Nếu $-5\ 000$ đồng biểu diễn số tiền nợ thì $+10\ 000$ biểu diễn ...

Giải:

a) năm 537 sau công nguyên

b) 8° trên $0^{\circ}C$

c) số tiền ta có

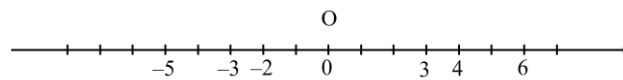
Bài 2: a) Biểu diễn các số $-5; -3; -2; 3; 4; 6$ trên trục số;

b) Biểu diễn các số nguyên âm nằm giữa -4 và 5 trên trục số;

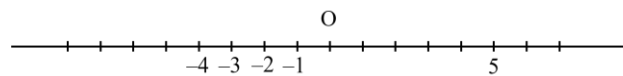
c) Trên trục số có điểm nào biểu diễn các số nguyên âm nằm giữa hai số -4 và -3 không?

Giải

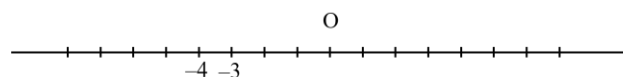
a)



b)



c) Không có số nguyên âm nằm giữa hai số -4 và -3



So sánh các số nguyên

Bài 1: So sánh các số nguyên sau:

- a) 3 và 5 b) -3 và -5
c) 1 và $-10\,000$ d) -200 và $-2\,000$
e) 10 và -15 f) -18 và 0

Giải:

Bài 1:

- a) $3 < 5$ b) $-3 > -5$
c) $1 > -10\,000$ d) $-200 > -2\,000$
e) $10 > -15$ f) $-18 < 0$

Bài 2: So sánh các số nguyên sau:

- a) 9 và 2 b) -7 và -1
c) 9 và -999 d) 0 và 80
e) -10 và -40 f) 0 và -9

Giải

Bài 2:

- a) $9 > 2$ b) $-7 < -1$
c) $9 > -999$ d) $0 < 80$
e) $-10 > -40$ f) $0 > -9$

Bài 3: a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $14; -10; 7; 2; -1; 0$;

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: $-101; 23; 0; 7; -11; 100$.

Giải

Bài 3: a) $-10; -1; 0; 2; 7; 14$

b) $-101; -11; 0; 7; 23; 100$.

Bài 4: a) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: $3; -16; 5; 8; -4; 0$;

b) Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự giảm dần: $-123; 13; 0; -5; 1\ 000; 9$.

Bài 5: Điền dấu “+” hoặc “-” vào chỗ ... để được kết quả đúng:

a) $0 > \dots 3$

b) $0 < \dots 3$

c) $\dots 4 < \dots 8$ d) $\dots 5 > \dots 7$

e) $\dots 5 > 2$

f) $\dots 6 < 4$

Giải:

Bài 5:

a) $0 > -3$

b) $0 < +3$

c) $+4 < +8$ d) $-5 > -7$

e) $+5 > 2$

f) $-6 < 4$

Bài 6: Điền dấu “+” hoặc “-” vào chỗ ... để được kết quả đúng:

a) $0 > \dots 2$

b) $0 < \dots 2$

c) $\dots 5 < \dots 9$ d) $\dots 6 > \dots 8$

e) $\dots 4 > 1$

f) $\dots 5 < 1$

Bài 7: Tìm số đối của $+2; +3; -6; 0; 1$.

Bài 8: Tìm số đối của $+5; +6; -2; -3; -1$.

Giải

Bài 7: $-2; -3; +6; 0; -1$.

Bài 8: $-5; -6; +2; +3; +1$.

Bài tương tự: bài 6/55 sgk, bài 2/57 sgk

CHỦ ĐỀ 2: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ HAI SỐ NGUYÊN

1. Cộng hai số nguyên cùng dấu

a. Cộng hai số nguyên dương

(Cộng hai số nguyên dương chính là cộng hai số tự nhiên khác 0)

b. Cộng hai số nguyên âm

Để cộng hai số nguyên âm, ta làm như sau:

Bước 1: Bỏ dấu “-” đằng trước mỗi số.

Bước 2: Tính tổng của hai số nguyên dương nhận được ở *Bước 1*.

Bước 3: Thêm dấu “-” trước kết quả nhận được ở *Bước 2*, ta có tổng cần tìm.

2. Cộng hai số nguyên khác dấu

Để cộng hai số nguyên khác dấu, ta làm như sau:

Bước 1: Bỏ dấu “-” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại.

Bước 2: Trong hai số nguyên dương nhận được ở *Bước 1*, ta lấy số lớn trừ đi số nhỏ.

Bước 3: Cho hiệu vừa nhận được dấu ban đầu của số lớn hơn ở *Bước 2*, ta có tổng cần tìm.

3. Tính chất của phép cộng các số nguyên

Phép cộng các số nguyên có những tính chất sau:

- Giao hoán: $a + b = b + a$;
- Kết hợp: $(a + b) + c = a + (b + c)$;
- Cộng với số 0: $a + 0 = 0 + a = a$;
- Cộng với số đối:
 $a + (-a) = (-a) + a = 0$.

LUYỆN TẬP

.Thực hiện phép tính cộng các số nguyên.

Bài 1: Thực hiện các phép tính sau đây:

1. Cộng 2 số nguyên cùng dấu a) $714 + 242$ b) $-15 + -24$ c) $47 + 163$ d) $(-72) + (-56)$ e) $(-37) + (-86)$	2. Cộng 2 số nguyên khác dấu a) $12 + -37$ b) $-55 + 75$ c) $-56 + 0$ d) $152 + -652$ e) $-250 + 250$
---	--

Giải:

1. Cộng hai số nguyên cùng dấu

a) $714 + 242 = 956$

b) $-15 + -24$

$$= -15 + 24 = -39$$

c) $47 + 163 = 210$

d) $(-72) + (-56) = -(72 + 56) = -128$

e) $(-37) + (-86) = -(37 + 86) = -123$

Bài 1: Thực hiện các phép tính sau đây:

1. Cộng 2 số nguyên cùng dấu a) $714 + 242$ b) $-15 + -24$ c) $47 + 163$ d) $(-72) + (-56)$ e) $(-37) + (-86)$	2. Cộng 2 số nguyên khác dấu a) $12 + -37$ b) $-55 + 75$ c) $-56 + 0$ d) $152 + -652$ e) $-250 + 250$
---	--

Giải:

1. Cộng hai số nguyên cùng dấu

a) $714 + 242 = 956$

b) $-15 + -24$

$$= -15 + 24 = -39$$

c) $47 + 163 = 210$

d) $(-72) + (-56) = -(72 + 56) = -128$

e) $(-37) + (-86) = -(37 + 86) = -123$

2. Cộng 2 số nguyên khác dấu

a) $12 + -37 = -(37 - 12) = -25$

b) $-55 + 75 = 75 - 55 = 20$

c) $-56 + 0 = -56$

d) $152 + -652 = -(625 - 152) = -473$

e) $-250 + 250 = 250 - 250 = 0$

Bài 2: Thực hiện phép tính

a) $-312 + 198$

b) $483 + -56 + 263 + -64$

c) $-456 + -554 + 1000$

d) $-87 + -12 + 487 + -512$

Giải

a) $-312 + 198 = 114$

b) $483 + -56 + 263 + -64$

$$= 483 + 263 + [-56 + -64]$$

$$= 764 + (-120) = -626$$

c) $-456 + -554 + 1000$

$$= -1010 + 1000 = -10$$

d) $-87 + -12 + 487 + -512$

$$= [-87 + 487] + [-12 + -512]$$

$$= 400 + -524 = -124$$

Bài 3: Tìm x biết:

a) $x - 103 = -203$;

b) $x + (-36) = 0$;

c) $x - 105 = -150$;

d) $x - (+21) = -29$.

Giải

a) $x = (-203) + 103$

$$x = -(203 - 103)$$

$$x = -100.$$

b) $x + -36 = 0$; $x = 36$.

c) $x - 105 = -150$

$$x - 105 = -150$$

$$x = -150 + 105$$

$$x = -(150 - 105)$$

$$x = -45.$$

d) $x - (+21) = -29$

$$x - 21 = -29$$

$$x = -29 + 21$$

$$x = -(29 - 21)$$

$$x = -8.$$

Bài 4: Thực hiện phép tính:

a)

$$11 - 12 + 13 - 14 + 15 - 16 + 17 - 18 + 19 - 20 \quad \text{b) } 2^2 \cdot 3^1 - 1^{2012} + 2021^0 : 2$$

c) $\{47 - [736 : (5 - 3)^4]\} \cdot 2021$

Giải:

a) $11 - 12 + 13 - 14 + 15 - 16 + 17 - 18 + 19 - 20$

$$= [11 + -12] + [13 + -14] + [15 + -16]$$

$$+ [17 + -18] + [19 + -20]$$

$$= -1 + -1 + -1 + -1 + -1 = -5$$

$$\text{b)} 2^2 \cdot 3^1 - 1^{2012} + 2021^0 : 2$$

$$= 4 \cdot 3 - 2 : 2 = 12 - 1 = 11$$

$$\text{c)} \left\{ 47 - \left[736 : (5 - 3)^4 \right] \right\} \cdot 2021$$

$$= \left\{ 47 - \left[736 : 2^4 \right] \right\} \cdot 2021$$

$$= \left\{ 47 - \left[736 : 16 \right] \right\} \cdot 2021$$

$$= \{ 47 - 46 \} \cdot 2021 = 1 \cdot 2021 = 2021$$

1. Quy tắc trừ hai số nguyên

Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b , ta cộng a với số đối của b :

$$a - b = a + (-b)$$

2. Chú ý

Phép trừ trong $\mathbb{N}$ không phải bao giờ cũng thực hiện được, còn phép trừ trong $\mathbb{Z}$ luôn thực hiện được.

Bài 1: Điền số thích hợp vào ô trống:

a	25		-15	
$-a$		0		$-(-7)$

Giải:

a	25	0	-15	-7
$-a$	-25	0	15	$-(-7)$

Bài 2: Thực hiện phép tính

$$\text{a)} -175 - 436$$

$$\text{b)} \quad -630 - -360$$

$$\text{c)} \quad |-73| - 210$$

$$\text{d)} \quad 312 - 419$$

Giải

$$\text{a)} \quad -175 - 436 = -175 + -436 = -611$$

$$\text{b)} \quad -630 - -360 = -630 + 360 = -270$$

$$\text{c)} \quad |73| - 210 = 73 + -210 = -137$$

$$\text{d)} \quad 312 - 419 = 312 + -419 = -107$$

Bài 3: Tìm x biết:

$$\text{a)} \quad 5 + x = -7$$

$$\text{b)} \quad -32 - x - 5 = 0$$

$$\text{c)} \quad -12 + x - 9 = 0$$

$$\text{d)} \quad 11 + 15 - x = 1$$

Giải

$$\text{a)} \quad 5 + x = -7$$

$$x = -7 - 5$$

$$x = -7 + -5$$

$$x = -12$$

Vậy giá trị cần tìm là $x = -12$

$$\text{b)} \quad -32 - x - 5 = 0$$

$$x - 5 = -32$$

$$x = -32 + 5$$

$$x = -27$$

$$\text{c)} -12 + x - 9 = 0$$

$$x - 9 = 12$$

$$x = 21$$

$$\text{d)} 11 + 15 - x = 1$$

$$15 - x = 1 - 11$$

$$15 - x = -10$$

$$x = 15 - -10$$

$$x = 25$$

Quy tắc dấu ngoặc:

Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “+” đằng trước thì giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.

$$a + (b + c) = a + b + c;$$

$$a + (b - c) = a + b - c.$$

Khi bỏ dấu ngoặc có dấu “-” đằng trước, ta phải đổi dấu của các số hạng trong dấu ngoặc: Dấu “+” thành dấu “-” và dấu “-” thành dấu “+”.

$$a - (b + c) = a - b - c;$$

$$a - (b - c) = a - b + c.$$

Bài 1: Bỏ dấu ngoặc rồi tính

$$\text{a)} (24 - 234) + (234 - 24 - 77)$$

$$\text{b)} (13 - 135 + 49) - (13 + 49)$$

$$\text{c)} 159 - 524 - (59 - 424);$$

$$\text{d)} (36 + 79) + (145 - 79 - 36);$$

$$\text{e)} 334 - (117 + 234) + (42 + 117);$$

$$\text{f) } 271 - [(-43) + 271 - (-17)].$$

Giải:

$$\text{a) } 24 - 234 + 234 - 24 - 77$$

$$= 24 - 234 + 234 - 24 - 77$$

$$= (24 - 24) - (234 - 234) - 77$$

$$= 0 - 0 - 77 = -77$$

$$\text{b) } (13 - 135 + 49) - (13 + 49)$$

$$= 13 - 135 + 49 - 13 - 49$$

$$= (13 - 13) + (49 - 49) - 135$$

$$= 0 + 0 - 135 = -135$$

$$\text{c) } 159 - 524 - (59 - 424);$$

$$= 159 - 524 - 59 + 424$$

$$= 159 - 59 - 524 + 424$$

$$= 100 - 100 = 0$$

$$\text{d) } (36 + 79) + (145 - 79 - 36);$$

$$= 36 + 79 + 145 - 79 - 36$$

$$= 36 - 36 + 79 - 79 + 145 = 145$$

$$\text{e) } 334 - (117 + 234) + (42 + 117);$$

$$= 334 - 117 - 234 + 42 + 117$$

$$= 334 - 234 - 117 - 117 + 42$$

$$= 100 + 42 = 142$$

$$\text{f) } 271 - [(-43) + 271 - (-17)].$$

$$= 271 - [-43 + 271 + 17]$$

$$= 271 + 43 - 271 - 17$$

$$= 271 - 271 + 43 - 17 = 26$$

Bài 2: Bỏ ngoặc rồi tính

a) $-7264 + 1543 + 7264$

b) $144 - 97 - 144$

c) $-145 - 18 - 145$

d) $111 + -11 + 27$

e) $27 + 514 - 486 - 73$

f) $36 + 79 + 145 - 79 - 36$

Giải

a) $-7264 + 1543 + 7264$

$$= -7264 + 7264 + 1543$$

$$= 0 + 1543 = 1543$$

b) $144 - 97 - 144 = 144 - 97 - 144 = -97$

c) $-145 - 18 - 145 = -145 - 18 + 145$

$$= -18$$

d) $111 + -11 + 27 = 111 - 11 + 27 = 127$

e) $27 + 514 - 486 - 73$

$$= 27 + 514 - 486 + 73 = 128$$

f) $36 + 79 + 145 - 79 - 36$

$$36 + 79 + 145 - 79 - 36$$

Bài 3: Tìm x biết:

a) $159 - (25 - x) = 43.$

b) $(79 - x) - 43 = -(17 - 52)$

c) $-(-x + 13 - 142) + 18 = 55$

Giải

a) $159 - (25 - x) = 43$

$$159 - 25 + x = 43$$

$$134 + x = 43$$

$$x = 43 - 134$$

$$x = -91.$$

b)

$$(79 - x) - 43 = -(17 - 52)$$

$$79 - x - 43 = -17 + 52$$

$$36 - x = 35$$

$$x = 1.$$

c) $-(-x + 13 - 142) + 18 = 55$

$$x - 13 + 142 + 18 = 55$$

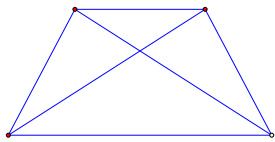
$$x = 55 + 13 - 142 - 18$$

$$x = -92.$$

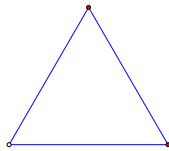
Luyện tập: bài 2/64 sgk, bài 5,6,7/65 sgk

CHỦ ĐỀ 3 . ÔN TẬP CHUNG VỀ HÌNH HỌC TRỰC QUAN

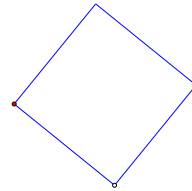
Bài 1. Viết tên các hình vẽ sau:



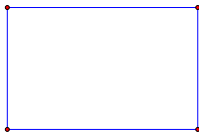
H1:



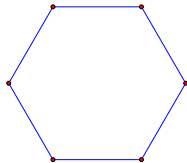
H2:



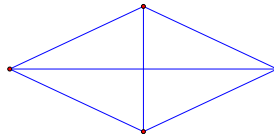
H3:



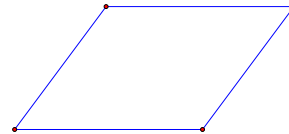
H4:



H5:



H6:



H7:

Bài 2. Chọn đáp án đúng:

2.1) Hình vuông có cạnh $5cm$ thì chu vi và diện tích của nó lần lượt là:

- A. $20cm$ và $25cm$ B. $20cm$ và $25cm^2$
C. $25cm^2$ và $20cm$ D. $20cm$ và $10cm^2$

2.2) Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là $10cm$ và $15cm$ thì diện tích của nó là:

- A. $300cm^2$ B. $150cm^2$ C. $75cm^2$ D. $25cm^2$

2.3) Hình chữ nhật có diện tích $800m^2$, độ dài một cạnh là $40m$ thì chu vi của hình chữ nhật đó là:

- A. $100m$ B. $60m$ C. $120m$ D. $1600m$

2.4) Hình bình hành có diện tích $50cm^2$ và một cạnh bằng $10cm$ thì chiều cao tương ứng với cạnh đó là:

- A. $5cm$ B. $10cm$ C. $25cm$ D. $50cm$

2.5) Hình thang có diện tích $50cm^2$ và có độ dài đường cao là $5cm$ thì tổng hai cạnh đáy của hình thang đó bằng?

- A. $5cm$ B. $10cm$ C. $15cm$ D. $20cm$

CHỦ ĐỀ 4: ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH (ôn thi giữa HKI)

1. Đối với biểu thức không có dấu ngoặc:

- Nếu phép tính chỉ có cộng, trừ hoặc chỉ có nhân, chia, ta thực hiện phép tính theo thứ tự **từ trái sang phải**.

- Nếu phép tính có cả cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện phép nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân chia, cuối cùng đến cộng trừ.

Lũy thừa $\rightarrow$ nhân và chia $\rightarrow$ cộng và trừ.

2. Đối với biểu thức có dấu ngoặc.

- Nếu biểu thức có các dấu ngoặc: ngoặc tròn (), ngoặc vuông [], ngoặc nhọn { }, ta thực hiện phép tính theo thứ tự: () $\rightarrow$ [] $\rightarrow$ { }

Bài 1: Thực hiện phép tính:

$$a) 5.2^2 - 18 : 3 ;$$

$$b) 17.85 + 15.17 - 120$$

$$c) 2^3.17 - 2^3.14$$

$$d) 20 - [30 - (5 - 1)^2]$$

$$e) 75 - (3.5^2 - 4.2^3)$$

$$f) 2.5^2 + 3 : 71^0 - 54 : 3^3$$

$$g) 150 + 50 : 5 - 2.3^2$$

$$h) 5.3^2 - 32 : 4^2$$

Lời giải

$$a) 5.2^2 - 18 : 3$$

$$= 5.4 - 18 : 3$$

$$= 20 - 6$$

$$= 14$$

$$b) 17.85 + 15.17 - 120$$

$$= 17.(85 + 15) - 120$$

$$= 17.100 - 120$$

$$= 1700 - 120$$

$$= 1580$$

$$c) 2^3.17 - 2^3.14$$

$$= 2^3(17 - 14)$$

$$= 2^3.3$$

$$= 8.3$$

$$= 24$$

$$d) 20 - [30 - (5 - 1)^2]$$

$$= 20 - [30 - 4^2]$$

$$= 20 - (30 - 16)$$

$$= 20 - 14$$

$$= 6$$

$$e) 75 - (3.5^2 - 4.2^3)$$

$$= 75 - (3.25 - 4.8)$$

$$= 75 - (75 - 32)$$

$$= 75 - 75 + 32$$

$$= 32$$

$$f) 2.5^2 + 3 : 71^0 - 54 : 3^3$$

$$= 2.25 + 3 : 1 - 54 : 27$$

$$= 50 + 3 - 2$$

$$= 51$$

$$g) 150 + 50 : 5 - 2.3^2$$

$$= 150 + 10 - 2.9$$

$$= 150 + 10 - 18$$

$$= 142$$

$$h) 5.3^2 - 32 : 4^2$$

$$= 5.9 - 32 : 16$$

$$= 45 - 2$$

$$= 43$$

Dạng . Tìm x

Ví dụ 1: Tìm số tự nhiên x, biết: $540 + (345 - x) = 740$

Giải

$$540 + (345 - x) = 740 \text{ (Dạng ghép)}$$

$$345 - x = 740 - 540 \text{ (Tìm phần ưu tiên có chứa x)}$$

$$345 - x = 200 \text{ (Bài toán cơ bản dạng 3)}$$

$$x = 345 - 200$$

$$x = 145$$

Ví dụ 2: Tìm số tự nhiên x, biết: $928 - (31 + x) = 128$

Giải

$$928 - (31 + x) = 128 \text{ (Dạng ghép)}$$

$$31 + x = 928 - 128 \text{ (Tìm phần ưu tiên có chứa x)}$$

$$31 + x = 800 \text{ (Bài toán cơ bản dạng 1)}$$

$$x = 800 - 31$$

Ví dụ 3: Tìm số tự nhiên x , biết: $[(6x - 39) : 3] \cdot 28 = 5628$

Giải

$$[(6x - 39) : 3] \cdot 28 = 5628 \quad (\text{Dạng nhiều dấu ngoặc})$$

$$(6x - 39) : 3 = 5628 : 28 \quad (\text{Tìm phần trong ngoặc “ [] ” trước})$$

$$(6x - 39) : 3 = 201$$

$$6x - 39 = 201 \cdot 3 \quad (\text{Tìm phần trong ngoặc “ () ” có chứa } x)$$

$$6x - 39 = 603 \quad (\text{Dạng ghép})$$

$$6x = 603 + 39 \quad (\text{Tìm phần ưu tiên})$$

$$6x = 642 \quad (\text{Bài toán cơ bản dạng 4})$$

$$x = 642 : 6$$

$$x = 107$$

Ví dụ 4: Tìm số tự nhiên x , biết: $[124 - (20 - 4x)] : 30 = 4$

Giải

$$[124 - (20 - 4x)] : 30 = 4 \quad (\text{Dạng nhiều dấu ngoặc})$$

$$124 - (20 - 4x) = 4 \cdot 30 \quad (\text{Tìm phần trong ngoặc “ [] ” trước})$$

$$124 - (20 - 4x) = 120$$

$$20 - 4x = 124 - 120 \quad (\text{Tìm phần trong ngoặc “ () ” có chứa } x)$$

$$20 - 4x = 4 \quad (\text{Dạng ghép})$$

$$4x = 20 - 4 \quad (\text{Tìm phần ưu tiên})$$

$$4x = 16 \quad (\text{Bài toán cơ bản dạng 4})$$

$$x = 16 : 4$$

$$x = 4$$